

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 04/2025/HS-ST
Ngày 07-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Sông

Ông Lê Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Tống Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại hội trường xét xử Hình sự, Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

- NÔNG THỊ N, sinh ngày 10/11/1999 tại: Huyện V, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L và bà Nông Thị T; chồng: Mã Đức K; có 02 con: Con lớn nhất sinh năm 2021, con nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/9/2024 đến nay. Có mặt.

*** Những người tham gia tố tụng:**

- Người bào chữa cho bị cáo Nông Thị N: Ông Cao Xuân B - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Cao Xuân B; địa chỉ: Số nhà 06, ngõ 258 đường Lý Tự Trọng, tổ 01, pH T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt

- Bị hại: Chị Trần Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 04, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Mã Đức K, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang, Có mặt.

2. Chị Triệu Thị H1, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang, Có mặt.

3. Anh Vương Văn H2, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, Có mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Bà Hoàng Thị Thuý, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang, Vắng mặt.

2. Chị Đinh Thị L, sinh 1975; địa chỉ: địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, Có mặt.

3. Anh Phùng Thanh C, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang, Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 30/8/2024, bị cáo Nông Thị N đã có hành vi sử dụng video ghi hình ảnh Mã Đức K và Trần Thị H đang quan hệ tình dục để đe dọa, uy hiếp, yêu cầu chị H phải đưa cho bị cáo 30.000.000đ (*Ba mươi triệu*) nếu không bị cáo sẽ phát tán video lên mạng xã hội và gửi đến gia đình, nhà trường nơi chị H công tác. Khi chị H đã đưa cho bị cáo N số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu*) tại tầng 2 của quán cafe P thuộc tổ 9, phường N, thành phố H và đang xoá video thì bị tổ công tác Công an thành phố H bắt quả tang và thu giữ vật chứng liên quan.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N khai nhận: Bị cáo và chồng là anh Mã Đức K có kinh doanh dịch vụ xoa bóp, bấm huyệt tại số nhà 21, đường Lý TH Kiệt, tổ 15, pH T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Chị Trần Thị H tH xuyên đến cơ sở của bị cáo để Massage trị liệu. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 14/8/2024, khi bị cáo đang ở nhà tại thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang, bị cáo mở điện thoại di động để xem camera ghi hình ảnh của quán thì phát hiện anh K (chồng của bị cáo) và chị H đang quan hệ tình dục với nhau. Bị cáo gọi mẹ chồng là bà Hoàng Thị Thuý để cùng chứng kiến, xác nhận sự việc. Sau đó mẹ chồng bị cáo gọi điện thoại cho anh K và bị cáo nói vào điện thoại để phát ra camera “Chị là ai đấy” thì anh K và chị H dừng quan hệ tình dục, chị H mặc quần áo đi về. Bị cáo mở dữ liệu quay được ở camera và lưu các hình ảnh, video anh K quan hệ tình dục với chị H vào máy điện thoại. Bị cáo sử dụng tài khoản facebook “N N” gửi video cho anh K và chị Triệu Thị H1 qua Messenger. Cùng ngày bị cáo sử dụng tài khoản Facebook nhắn tin cho chị H có tài khoản Facebook “Hoa của núi” với nội dung “em cần nói chuyện với chị”. Sau đó chị H gọi cho bị cáo bằng ứng dụng Messenger, chị H thừa nhận việc cùng anh K có quan hệ tình dục. Những ngày sau đó, bị cáo nhắn tin qua Messenger chửi, đe

dọa chị H với nội dung “Chị muốn gặp em nói chuyện hay để em vào tận nhà ạ”; “Chắc vào nhà chị nói chuyện sẽ vui hơn nhĩ”; “Đm con đĩ, để t điên lên là t cho chúng mày lên mạng tể hết đấy”; “Đừng mong sống yên ổn với t”; “Cô giáo yêu quý ạ”; “Đôi cầu nam nữ”; “Đến lúc t hết cỡ, t mò đến nhà, đến tận trường thì bà đừng hối hận”. Nhận được tin nhắn của bị cáo nhưng chị H không trả lời và chặn liên lạc.

Ngày 28/8/2024, chị H gọi điện cho bị cáo hẹn gặp mặt giải quyết vụ việc tại khu du lịch Trường Xuân thuộc pH Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Chị H có nói với bị cáo khi đi thì bảo chị H1 đi cùng. Đến khoảng hơn 08 giờ ngày 29/8/2024, bị cáo một mình đến đón chị H1 sau đó cùng nhau đi đến khu du lịch sinh thái Trường Xuân, đến nơi bị cáo, chị H1 gặp chị H đi cùng anh H2. Sau đó bốn người cùng ngồi nói chuyện, bị cáo cho chị H xem video, xem xong chị H nói muốn bị cáo bỏ qua và hỏi bị cáo về hướng giải quyết thì bị cáo đưa ra hai yêu cầu cho chị H: Một là, bị cáo sẽ mang video đến cho gia đình và trường của chị H để mọi người biết; Hai là, chị H pH2 đưa cho bị cáo số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) để bị cáo bỏ qua sự việc. Sau khi bị cáo đưa ra yêu cầu thì chị H có trình bày với bị cáo số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) là quá lớn chị H hiện không có tiền để đưa ngay. Sau đó bị cáo yêu cầu chị H pH2 đưa số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*), chị H nhất trí. Khoảng hơn 08 giờ ngày 30/8/2024, bị cáo một mình đi xuống thành phố H rủ chị H1 đi cùng để gặp chị H. Khoảng 09 giờ ngày 30/8/2024, bị cáo, chị H1 gặp chị H tại tầng 2 của quán cafe P thuộc tổ 9, pH Nguyễn Trãi, thành phố H. chị H bảo bị cáo “Chị chuẩn bị tiền đủ đây rồi, hai chị em mình xem video và xoá video”, nói xong chị H lấy trong túi sách ra 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) để lên mặt bàn trước mặt bị cáo. Chị H bảo “Em cho chị xem video rồi chị em mình xoá video”. Bị cáo lấy điện thoại ra để xuống mặt bàn cùng chị H xem, kiểm tra đoạn video rồi xoá các video ghi lại C quan hệ tình dục giữa chị H và anh K. Khi vừa xoá xong thì bị lực lượng chức năng phát hiện lập biên bản và thu giữ các vật chứng liên quan.

- Tại bản Kết luận giám định số 352/KL-KTHS, ngày 26/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: 60 (*sáu mươi*) tờ tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật.

- Tại bản Kết luận giám định số 1265/KL-KTHS, ngày 11/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

- + Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 05 (*năm*) file video ký hiệu A1,A2,A3,A5,A6.

- + Không xác định được file video ký hiệu A4 có bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hay không.

- Tại bản Kết luận giám định, số: 240/KL-SVHTTDL, ngày 21/10/2024 của Sở Văn hoá thể thao và Du lịch tỉnh Hà Giang, kết luận:

+ Video 1, số hiệu b63269fb-9aef-41b3-8d3e-bc9fab0015f7.mp4, dung lượng 2.076 KB, thời lượng 26 giây có chứa 01 video khiêu dâm, đồi trụy (quan hệ tình dục).

+ Video 2, số hiệu d3324e69-d81f-4d6d-9b95-676341da9ecb.mp4, dung lượng 776 KB, thời lượng 11 giây có chứa 01 video khiêu dâm, đồi trụy (quan hệ tình dục).

+ Video số hiệu 2024-08-16-11-10-IMG-3045.MP4, dung lượng 2.02 MB, thời lượng 26 giây có chứa 01 video khiêu dâm, đồi trụy (quan hệ tình dục).

* Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan C sát điều tra Công an thành phố H đã thu giữ những vật chứng sau:

- 60 (sáu mươi) tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) trị giá 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

- 01 (một) điện thoại SAMSUNG, vỏ màu xanh có gắn 01 (một) thẻ sim nhà mạng Viettel số thuê bao 0364.499.904 của Triệu Thị H1 (đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại IPHONE, vỏ màu vàng có gắn 01 (một) thẻ sim nhà mạng Viettel số thuê bao 0981.780.868 của Mã Đức K (đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại IPHONE, vỏ màu vàng có gắn 01 (một) thẻ sim nhà mạng Viettel số thuê bao 0368.335.105 của Nông Thị N (đã qua sử dụng).

- 01 (một) camera nhãn hiệu EZVIZ, màu trắng có gắn 01 (một) thẻ nhớ nhãn hiệu SANDISK, 64GB (đã qua sử dụng).

* Xử lý vật chứng: Ngày 08/10/2024 Cơ quan CSĐT Công an thành phố H ra Quyết định xử lý vật chứng, số: 842/QĐ-ĐCSHS bằng hình thức trả lại tài sản cho chủ sở hữu là chị Trần Thị H số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Sau khi nhận lại tài sản chị H không có ý kiến gì.

Số vật chứng được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H quản lý theo quy định của pháp luật, gồm:

- 01 (một) điện thoại SAMSUNG, vỏ màu xanh có gắn 01 (một) thẻ sim nhà mạng Viettel số thuê bao 0364.499.904 của Triệu Thị H1 (đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại IPHONE, vỏ màu vàng có gắn 01 (một) thẻ sim nhà mạng Viettel số thuê bao 0981.780.868 của Mã Đức K (đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại IPHONE, vỏ màu vàng có gắn 01 (một) thẻ sim nhà mạng Viettel số thuê bao 0368.335.105 của Nông Thị N (đã qua sử dụng).

- 01(một) camera nhãn hiệu EZVIZ, màu trắng có gắn 01 (một) thẻ nhớ nhãn hiệu SANDISK, 64GB (đã qua sử dụng).

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKSTPHG ngày 26/11/2024, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, đã truy tố bị cáo Nông Thị N về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa. Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HDXX:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Thị N phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Thị N từ 14 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 tháng đến 36 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nông Thị N cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại số tài sản bị cưỡng đoạt, không yêu cầu đề nghị gì thêm nên không xem xét.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí: Bị cáo N được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo:

- Về tội danh: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh áp dụng đối với bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cưỡng đoạt tài sản*", quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt đề nghị hội đồng xem xét đến động cơ, hoàn C, điều kiện phạm tội của bị cáo. Trong vụ án này có một phần lỗi của người bị hại, bị hại đã có hành vi quan hệ tình dục với chồng của bị cáo, việc đó đã gây nên sự bức xúc cho bị cáo, trong khi bị cáo vừa mới sinh con được một tháng. Việc làm sai trái của chồng bị cáo và bị hại đã gây sang chấn tâm lý cho bị cáo, đến việc bị cáo bị trầm cảm pH2 điều trị. Bản thân bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức, hiểu biết còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 24 tháng thử thách.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

* Ý kiến đối đáp của Viện kiểm sát: Không có ý kiến đối đáp.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo, do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị hại, người làm chứng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3]. Căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 30/8/2024, bị cáo Nông Thị N đã có hành vi sử dụng video ghi hình ảnh Mã Đức K và Trần Thị H đang quan hệ tình dục để đe dọa, uy hiếp, yêu cầu chị H pH2 đưa cho bị cáo số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu), nếu không bị cáo sẽ phát tán video lên mạng xã hội và gửi đến gia đình, nhà trường nơi chị H công tác. Khi chị H đã đưa cho bị cáo N số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu) tại tầng 2 của quán Cafe P thuộc tổ 9, pH Nguyễn Trãi, thành phố H và đang xóa video thì bị tố công tác Công an thành phố H bắt quả tang và thu giữ vật chứng liên quan.

[4]. Điều 170 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2...”

[5]. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Nông Thị N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

[6]. Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt đề nghị là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[7]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền

sở hữu tài sản của người khác đã được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự, an toàn xã hội. Khi phát hiện bị hại và chồng bị cáo có quan hệ ngoại tình, bị cáo không lựa chọn cách giải quyết khác mà bị cáo đã sử dụng hình ảnh, video ghi lại C quan hệ tình dục giữa bị hại và chồng của bị cáo để đe dọa, uy hiếp, yêu cầu bị hại pH2 đưa cho bị cáo số tiền 30.000.000đ để giải quyết mâu thuẫn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, cần pH2 xử lý nghiêm minh để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[8]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, tH xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, bị hại cũng có một phần lỗi do có hành vi quan hệ ngoại tình với chồng của bị cáo, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[10]. Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, hiện tại bị cáo đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Xét thấy, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Không cần thiết pH2 cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương như đề nghị của Viện kiểm sát và người bào chữa cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[11]. Hình phạt bổ sung: Bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[12]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại số tài sản, không yêu cầu đề nghị gì khác. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[13]. Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại IPHONE, vỏ màu vàng có gắn 01 (một) thẻ sim nhà mạng Viettel số thuê bao 0368.335.105 của Nông Thị N. Xét thấy, đây là công cụ, phương tiện mà bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[14]. Đối với 01 (một) điện thoại SAMSUNG, vỏ màu xanh có gắn 01 (một) thẻ sim nhà mạng Viettel số thuê bao 0364.499.904 của Triệu Thị H1 (đã qua sử dụng). Qua điều tra xác định, điện thoại Triệu Thị H1 có nhận hình ảnh video do bị cáo chuyển đến. Xét thấy, việc bị cáo tự chuyển video có hình ảnh đồi trụy cho chị H1, chị H1 không sử dụng video vào việc phạm tội của bị cáo N, do đó, chị H1 không có lỗi nên cần trả lại điện thoại cho chị H1.

[15]. 01(một) camera nhãn hiệu EZVIZ, màu trắng có gắn 01 (một) thẻ nhớ nhãn hiệu SANDISK, 64GB (đã qua sử dụng). Là tài sản của anh K và bị cáo, đây là dữ liệu điện tử có chứa đựng hình ảnh video đồi trụy. Tuy nhiên, khi

lắp camera anh K và bị cáo có mục đích để giám sát việc làm tại quán. Không pH2 có mục đích phạm tội nên trả lại cho anh K.

[16]. Đối với 01 (một) điện thoại IPHONE, vỏ màu vàng có gắn 01 (một) thẻ sim nhà mạng Viettel số thuê bao 0981.780.868 của anh Mã Đức K. Qua điều tra xác định điện thoại trên là của anh K không sử dụng điện thoại di động làm công cụ, phương tiện phạm tội nên trả lại cho anh K.

[17]. Đối với hành vi tuyên truyền văn hoá phẩm đồi trụy của Nông Thị N và Triệu Thị H1 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại điều 326 Bộ luật hình sự, nhưng đã vi phạm quy định tại điểm b, khoản 1, điều 101 Nghị định 15/2020/ND-CP ngày 03/02/2020, của Chính phủ. Ngày 07/11/2024, Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Nông Thị N và Triệu Thị H1 với số tiền phạt là 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) về hành vi “*Cung cấp, chia sẻ thông tin cổ súy các hủ tục, mê tín, dị đoan, dâm ô, đồi trụy, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục của dân tộc*” là đúng quy định pháp luật.

[18]. Đối với Triệu Thị H1 là người đi cùng N đến quán cafe P, chứng kiến việc chị H đưa tiền cho bị cáo nhưng không được bàn bạc, thống nhất, không hứa hẹn và được hưởng lợi ích gì với bị cáo về việc bị cáo N yêu cầu chị H đưa tiền. Khi bị phát hiện chị H1 đã trình bày toàn bộ nội dung sự việc, tạo thuận lợi cho Cơ quan điều tra phát hiện đối tượng thực hiện hành vi. Do đó, không pH2 là đồng phạm với bị cáo N về tội cưỡng đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra Công an TP. Hà Giang không xử lý là phù hợp.

[19]. Đối với hành vi quan hệ tình dục của Trần Thị H và Mã Đức K không đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm chế độ một vợ, một chồng” quy định tại Điều 182 Bộ luật Hình sự, nên Cơ quan điều tra Công an thành phố H không xem xét xử lý là đúng quy định.

[20]. Về án phí: Bị cáo N là người dân tộc thiểu số, sống ở nơi có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Do đó, miễn án phí cho bị cáo.

[21]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; khoản 2, điều 136; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Thị N phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Thị N 18 (*Mười tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (*Ba mươi sáu*) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 07/01/2025.

Giao bị cáo Nông Thị N cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Hình phạt bổ sung: Không.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại IPHONE, vỏ màu vàng có gắn 01 (một) thẻ sim nhà mạng Viettel số thuê bao 0368.335.105 của Nông Thị N (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho Triệu Thị H1 01 (một) điện thoại SAMSUNG, vỏ màu xanh có gắn 01 (một) thẻ sim nhà mạng Viettel số thuê bao 0364.499.904 (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho Mã Đức K: 01 (một) điện thoại IPHONE, vỏ màu vàng có gắn 01 (một) thẻ sim nhà mạng Viettel số thuê bao 0981.780.868 của Mã Đức K; 01 (một) camera nhãn hiệu EZVIZ, màu trắng có gắn 01 (một) thẻ nhớ nhãn hiệu SANDISK, 64GB (đã qua sử dụng).

Vật chứng được bàn giao giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 27/11/2024.

5. Về án phí: Bị cáo Nông Thị N được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP Hà Giang;
- Công an TP Hà Giang;
- CQ THAHS CATP Hà Giang
- Chi cục THADS TP Hà Giang;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- UBND xã M, H. V;
- Lưu hồ sơ HS-BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Tuấn + Hoàng Ngọc Sông

Lê Thị Thanh Bình

